

Số: 08/2023/QĐST- DS

N, ngày 23 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 242/2022/TLST - DS ngày 29/11/2022

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: 201-203, phường 4, Quận 3, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H. Chức vụ: Trưởng bộ phận kinh doanh
Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Nha TrAg – Phòng giao dịch Trần Phú. Địa chỉ:
GF9 – 11/K-L số 20 T, (Văn bản ủy quyền số 265/2022/UQ-NHNA ngày 14/9/2022)

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn A, sinh năm 1980

Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K

2. Nội dung thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/02/2023 là 42.706.534 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 42.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.632 đồng, nợ lãi quá hạn là 902 đồng và ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0277/2019/409-CV ngày 25/6/2019 và giấy nhận nợ số 01/GNN-0277/2019/409-CV ngày 26/6/2019 kể từ ngày 16/02/2023 cho đến khi ông A, bà P trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Thời hạn trả chậm nhất là ngày 15/06/2023

+ Khi ông A, bà P trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N thì Ngân hàng phải trả lại cho ông A, bà P 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR

990495, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01275 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 13/5/2014 đứng tên ông Lê Văn A.

+ Trường hợp đến thời hạn trả nợ (chậm nhất là ngày 15/06/2023) ông A, bà P không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 987, tờ bản đồ số 11 có diện tích 355m², mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn là 120m², đất trồng cây lâu năm là 235m², hiện trạng trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4, có kết cấu tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền xi măng tọa lạc tại thôn Tân Bình, xã Ninh Bình, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 990495, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01275 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 13/5/2014 đứng tên ông Lê Văn A theo hợp đồng thế chấp bất động sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0160/2019/409-BĐ ngày 25/9/2019 (số công chứng 11467, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD) đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N để ngân hàng thu hồi nợ.

- Về án phí: Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Kim P tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.067.663 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.466.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005433 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần N tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKS thị xã N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy